

Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng bất lợi gặp phải khi dùng thuốc.

Tờ hướng dẫn dùng thuốc bằng tiếng Việt

Verarem 40 viên nén bao đường 40 mg

Verarem 80 viên nén bao đường 80 mg

Đọc kỹ tờ hướng dẫn dùng thuốc này trước khi bắt đầu dùng thuốc.

- Giữ tờ này ở một nơi an toàn. Bạn có thể cần đọc lại nó một lần nữa.
- Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào, hãy hỏi bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.
- Thuốc này được kê toa cho bạn, bạn không nên cho người khác dùng. Điều này có thể làm hại họ, ngay cả khi những triệu chứng của họ giống bạn.

Thành phần:

Verarem 40

Hoạt chất: Mỗi viên nén bao đường chứa 40 mg verapamil.

Tá dược: Cellulose vi kết tinh, lactose, povidon, sodium starch glycolate, magnesi stearat, talc, hypromellose, Macrogol 400, titan dioxid, gelatin, macrogol 6000, đường, calci carbonat, Quinoline Yellow E104.

Verarem 80

Hoạt chất: Mỗi viên nén bao đường 80 mg verapamil

Tá dược: Cellulose vi kết tinh, lactose, povidon, sodium starch glycolate, magnesi stearat, talc, hypromellose, Macrogol 400, titan dioxid, gelatin, macrogol 6000, đường, calci carbonat, Quinoline Yellow E104, tinh bột ngô, colloidal silicon dioxid, sunset yellow E110.

1. VERAREM LÀ GÌ VÀ ĐƯỢC DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH GÌ

Các đặc tính dược lực học

Nhóm điều trị dược lý: Thuốc chẹn kênh calci, dẫn xuất Phenylalkylamin.

Mã ATC: CO8DA01 (Verapamil).

Verarem là một thuốc chẹn kênh calci ức chế đầu vào của calci trong tế bào cơ tim, tế bào cơ trơn của động mạch vành và động mạch toàn thân và trong những tế bào của các hệ thống dẫn truyền trong tim. Verarem làm giãn cơ trơn mạch vành và giãn mạch vành. Nó cũng làm tăng phân phối oxygen ở những bệnh nhân đau thắt ngực do cơ mạch.

Các đặc tính dược động học

Verarem được hấp thu gần như hoàn toàn ở đường tiêu hóa, nhưng chịu tác dụng chuyển hóa đầu tiên qua gan rất mạnh.

Verarem có thời gian bán thải pha cuối là 2-8 giờ sau một liều uống đơn và tăng lên 4,5-12 giờ sau nhiều liều.

Nồng độ huyết tương đỉnh đạt được 1-2 giờ sau khi uống.

Verarem gắn khoảng 90% vào protein huyết tương và được chuyển hóa mạnh trong gan. Khoảng 70% liều dùng được thải trừ trong nước tiểu (3-4% dạng thuốc chưa chuyển hóa) và 16% trong phân.

Các chỉ định:

Verarem được chỉ định:

1. Điều trị và dự phòng đau thắt ngực ổn định mãn tính, đau thắt ngực do cơ mạch và đau thắt ngực không ổn định.
2. Điều trị và dự phòng nhịp tim nhanh trên thất kịch phát, giảm nhịp thất trong cuồng động/rung nhĩ.
3. Điều trị cao huyết áp từ nhẹ đến trung bình.

2. BẠN NÊN BIẾT ĐIỀU GÌ TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU DÙNG VERAREM

Hãy đặc biệt thận trọng với verarem:

Vui lòng báo cho bác sĩ của bạn:

- Nếu bạn có vấn đề thận hoặc gan.
- Nếu bạn có vấn đề tim hoặc mạch
- Nếu bạn bị hẹp động mạch chủ.
- Nếu bạn vừa bị cơn đau tim.

Chống chỉ định:

Sốc do tim, nhồi máu cơ tim cấp tính biến chứng từ nhịp tim chậm, hạ huyết áp hoặc suy thất trái, bloc nhĩ thất độ II hoặc III, bloc xoang-nhĩ, hội chứng xoang bệnh, suy tim mất bù, nhịp tim chậm hơn 50 lần/phút, huyết áp thấp hơn 90 mmHg tâm thu. Không dùng đồng thời với nước ép nho. Quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tương tác thuốc:

Nhiều thuốc tương tác với verarem và không nên dùng đồng thời. Tuy nhiên một ít thuốc có thể dùng đồng thời dưới sự thận trọng đặc biệt. Trong trường hợp này bác sĩ của bạn có thể thay đổi liều hoặc áp dụng những bước thận trọng khác nếu cần. Điều quan trọng là phải thông báo cho dược sĩ, bác sĩ nếu bạn đang dùng những thuốc khác nhất là những thuốc sau đây:

Các thuốc chẹn beta, digoxin, quinidin, carbamazepin, cyclosporin, phenobarbital, rifampicin, disopyramide, cimetidin, các thuốc phong bế thần kinh dùng trong gây mê, nước ép nho, và lithium. Kết hợp verapamil và các thuốc chẹn beta, các thuốc chống loạn nhịp tim, hoặc thuốc gây mê dạng hít có thể đưa tới các tác dụng tim mạch. Tác dụng của verapamil có thể cộng lực với các thuốc hạ huyết áp.

Thận trọng đặc biệt:

Cần phải tìm liều thích hợp cho những bệnh nhân bị bệnh gan và giám sát cẩn thận ở những bệnh nhân suy thận. Verapamil có thể ảnh hưởng đến dẫn truyền xung lực và vì vậy phải được dùng thận trọng ở những bệnh nhân bloc nhĩ thất độ I. Những bệnh nhân rung/cường động nhĩ kèm theo đường dẫn truyền phụ có thể phát triển tăng dẫn truyền qua đường truyền bất thường và gây ra nhịp tim nhanh thất. Verapamil có thể ảnh hưởng đến tính co thắt thất trái và vì vậy dẫn tới và làm trở nặng chứng suy tim. Chỉ nên dùng verarem sau khi điều trị suy tim.

P18/0211 RVTA
Verarem

Sản phẩm này chứa lactose và đường saccarose, nếu bạn không dung nạp với một số loại đường, hãy báo cho bác sĩ biết trước khi dùng thuốc này.

Dùng thuốc khi mang thai

Không dùng cho phụ nữ mang thai.
Tham vấn bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn trước khi dùng thuốc.

Phụ nữ cho con bú

Không dùng cho phụ nữ cho con bú.
Verarem được tiết vào sữa mẹ, và nếu tiếp tục điều trị, nên ngừng cho con bú.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy

Verarem có thể ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy, tùy theo độ mẫn cảm của từng người.

3. DÙNG VERAREM NHƯ THẾ NÀO

Theo hướng dẫn của bác sĩ.

Đau thắt ngực: Người lớn: Liều thông thường là 120 mg ba lần mỗi ngày. Ở các bệnh nhân đau thắt ngực khi gắng sức 80 mg ba lần mỗi ngày có thể đủ.

Nhịp tim nhanh trên thất:

Người lớn: Liều thông thường là 40-120 mg ba lần mỗi ngày tùy theo độ trầm trọng của bệnh.

Trẻ em: Liều thông thường cho trẻ em trên 2 tuổi là 40-120 mg hai đến ba lần mỗi ngày.

Cao huyết áp:

Người lớn: Liều thông thường là 120 mg hai lần mỗi ngày đến 160 mg hai lần mỗi ngày nếu cần. Liều tối đa hàng ngày 480 mg chia làm nhiều lần.

Người cao tuổi: Không có khuyến cáo liều đặc biệt nào ngoại trừ những trường hợp suy gan, suy thận hoặc rối loạn dẫn truyền tim cần phải giảm liều.

Khi bạn dùng thuốc điều trị cao huyết áp, bác sĩ có thể khuyên bạn kiêng ăn và giảm dùng muối.

Nên nhớ rằng với các thuốc chống cao huyết áp, chúng ta chỉ kiểm soát chứ không điều trị khỏi cao huyết áp. Vì vậy, bạn phải tiếp tục dùng thuốc theo khuyến cáo của bác sĩ.

Nếu bệnh cao huyết áp không được điều trị thích hợp nó có thể gây ra những vấn đề như suy tim, bệnh mạch máu, suy tâm thu, đột quy, hoặc bệnh thận.

Quá liều

Nếu bạn dùng thuốc quá liều hãy liên lạc với bác sĩ hoặc bệnh viện gần nhất ngay.

Những triệu chứng quá liều bao gồm hạ huyết áp, sốc, bloc nhĩ thất độ I và II, bloc nhĩ thất toàn phần với sự tách rời nhĩ thất toàn phần, nhịp tim chậm xoang nhĩ, chậm xoang nhĩ.

Điều trị:

Điều trị quá liều tùy theo loại và tình trạng của triệu chứng. Thuốc giải độc đặc hiệu là calci, ví dụ 10-20 ml dung dịch calci gluconat 10% tiêm tĩnh mạch (2,25-4,5 mmol/giờ) tiêm hoặc truyền dịch liên tục.

Nếu cần có thể súc rửa dạ dày.

Những hành động thông thường của điều trị cấp cứu nhồi máu cơ tim cấp phải được tuân theo và theo dõi bệnh nhân. Trong trường hợp bloc nhĩ thất độ II và III, có thể dùng atropin và isoprenalin. Nếu có những chỉ định suy tim, nên dùng dopamin, glycosid tim, và calci gluconate (10-20 ml dung dịch 10%).

Trong trường hợp hạ huyết áp, sau khi đặt bệnh nhân ở vị trí đứng, có thể dùng dopamin và noradrenalin.

Nếu bạn quên dùng verarem:

Nếu bạn phải dùng thuốc này liên tục và quên một liều, uống lại ngay khi có thể. Tuy nhiên, nếu đã gần đến giờ của liều kế tiếp, hãy bỏ qua liều này và trở về lịch uống thuốc bình thường. Không dùng gấp đôi liều. Nếu bạn quên nhiều liều hãy tham vấn bác sĩ.

4. CÁC TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Cũng như với tất cả các thuốc, verarem có thể gây các tác dụng không mong muốn.

Nếu dùng liều cao và bất thường cơ tim, có thể gặp loạn nhịp tim như nhịp tim chậm, như nhịp tim chậm xoang, ngừng xoang với suy tâm thu, bloc nhĩ thất độ II và III, loạn nhịp tim chậm trong rung nhĩ, hạ huyết áp, phát triển hoặc trở nặng chứng suy tim.

Các tác dụng bất lợi trên tim bao gồm nhịp tim chậm, bloc nhĩ nhất, suy tim trở nặng và suy tâm thu thoáng qua. Tác dụng phụ nặng nhất là táo bón. Ít gặp buồn nôn. Các tác dụng phụ khác bao gồm hạ huyết áp, choáng váng, cơn bừng đỏ, nhức đầu, buồn nôn, và nôn. Một số trường hợp chức năng gan bất thường và nhiễm độc gan. Hiếm gặp mệt mỏi, phù chân, dị ứng, hồng ban và ngứa, hiếm gặp chứng to vú đàn ông. Những tác dụng phụ này thường hồi phục khi ngừng thuốc.

Nếu bạn gặp tác dụng ngoại ý không kể ở trên, hãy báo cho bác sĩ của bạn ngay.

5. BẢO QUẢN

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng và ẩm.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Tiêu chuẩn: BP.

Tuổi thọ: 5 năm kể từ ngày sản xuất.

Đóng gói:

Verarem 40: Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao đường.

Verarem 80: Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao đường.

7. Địa chỉ nhà sản xuất:

Remedica Ltd.

Limassol Industrial Estate,

3056 Limassol, Cyprus.

ATVH HSO819
MAY1919